

Số: 37/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 28 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục
các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng
trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 3940/TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019 gồm 10 dự án. Tổng diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất là 16,23 ha; trong đó, từ đất trồng lúa là 14,84 ha, từ đất rừng là 1,39 ha.

(Chi tiết Danh mục bổ sung các dự án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khoá IX, Kỳ họp thứ 12 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE TRONG NĂM 2019**
(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG	70,91	14,84	1,39			
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	15,70	9,00				
1	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới The Royal 1	15,70	9,00		Xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre	UBND thành phố Bến Tre	8/2022
II	HUYỆN BÌNH ĐẠI	7,55	1,00	0,15			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trạm biến áp 110 KV Nhà máy điện gió Bình Đại; Đường dây 110 KV đầu nối nhà máy điện gió Bình Đại - Bình Thới, huyện Bình Đại (Trạm nâng 22 KV/110 KV, Trạm ngăn xuất tuyến, Móng trụ đường dây điện 110 KV)	7,55	1,00	0,15	Các xã: Thừa Đức, Đại Hòa Lộc, Thạnh Phước, thị trấn Bình Đại, Bình Thới - huyện Bình Đại	Công ty cổ phần điện gió Mê Kông	8/2022
III	HUYỆN THẠNH PHÚ	15,04	4,74				
1	Tuyến đường dây đầu nối từ dự án nhà máy điện gió số 5 đến trạm biến điện Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú (Trạm ngăn xuất tuyến, Móng trụ đường dây điện 110 KV)	4,50	1,00		Các xã: An Thạnh, Bình Thạnh, An Thuận, An Nhơn, An Điền, An Qui, Giao Thạnh, Thạnh Hải	Công ty cổ phần Tân Hoàn Cầu Bến Tre	8/2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	Tuyến đường dây đầu nối từ dự các án nhà máy điện gió, điện mặt trời đến trạm biến điện Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú (Trạm nâng áp, Trạm ngăn xuất tuyến, Móng trụ đường dây điện 110 KV)	8,50	3,00		Các xã: An Thạnh, Bình Thạnh, An Thuận, An Nhơn, An Điền, An Qui, Giao Thạnh, Thạnh Hải	Các nhà đầu tư	8/2022
3	Trường Trung học cơ sở Thạnh Hải	0,35	0,32		Xã Thạnh Hải - huyện Thạnh Phú	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	8/2022
4	Trường Tiểu học Giao Thạnh	0,76	0,22		Xã Giao Thạnh - huyện Thạnh Phú	UBND huyện Thạnh Phú	8/2022
5	Trường Tiểu học Tân Phong	0,75	0,10		Xã Tân Phong - huyện Thạnh Phú	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	8/2022
6	Mở rộng Trường Tiểu học Mỹ Hưng	0,18	0,10		Xã Mỹ Hưng - huyện Thạnh Phú	UBND huyện Thạnh Phú	8/2022
IV	HUYỆN BA TRI	32,46		1,24			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư An Thủy	32,46		1,24	Xã An Thủy - huyện Ba Tri	Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Hòa Phát	8/2022
V	LIÊN HUYỆN	0,16	0,10				
1	Phân pha dây dẫn đường dây 110 Kv từ 175 Bến Tre 2 - Giồng Trôm (trụ 130 A)	0,16	0,10		Các xã: Sơn Đông, Phú Hưng, Phường Phú Khương - thành Phố Bến Tre; xã Hữu Định - huyện Châu Thành; Các xã: Phong Năm, Lương Hòa, Lương Quới, Châu Hòa, Châu Bình, Bình Hòa, thị trấn Giồng Trôm - huyện Giồng Trôm	Tổng công ty Điện lực miền Nam	8/2022

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi